

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **108/2022/HS-PT**

Ngày: 16-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Diệu Hiền**

Các Thẩm phán: Ông Trương Ngọc Hồng

Ông Nguyễn Thành Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2022/TLPT-HS ngày 14 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Kim N, do có kháng cáo của bị hại Dương Thị H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2022/HS-ST ngày 08/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo không kháng cáo:

Họ tên Nguyễn Kim N, sinh năm 1993; Nơi ĐKTT: Khóm Long Hưng 1, phường LS, thị xã TC, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: ấp AB, xã ND, huyện KH, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Phúc Hg, con bà Lưu Thị Ph, Anh chị em ruột gồm có 03 người, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1993 (bị cáo); chồng Trần Văn L; con 02 người, lớn sinh năm 2011; nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị khởi tố và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (Có mặt)

Người bị hại có kháng cáo:

Bà **Dương Thị H**, sinh năm 1959 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp AB, xã ND, huyện KH, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:*

Luật sư **Phạm Hoàng Kh** – Văn phòng luật sư Phạm Hoàng Kh thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 10 tháng 7 năm 2021 Nguyễn Kim N đến nhà bà Dương Thị H ngụ ấp AB, xã ND, huyện KH, tỉnh Kiên Giang để mua tạp hóa, khi đến nơi N thấy bà H để tiền trong sọt nhựa màu xanh. Sau khi về nhà, do thiếu tiền tiêu xài nên N nảy sinh ý định vào nhà bà H để trộm cắp tài sản.

Khoảng 02 giờ, ngày 11 tháng 7 năm 2021 bị cáo từ nhà đi đến khu vực nhà bà H quan sát, phát hiện nhà bà H đang ngủ say. N đi vào căn nhà bỏ hoang (không có người ở) cạy vách nhà bà H, N nằm xuống sát đất dùng tay kéo tấm bạt cao su vách nhà bà H lên rồi chui vào nơi bà H ngủ, N dùng tay kéo chiếc sọt màu xanh mà bà H thường để tiền lại, lấy một keo nhựa màu trắng bên trong chiếc sọt mà N nghĩ là đựng tiền rồi đem về nhà cất giấu. Đến khoảng 05 giờ, sáng cùng ngày, N đem keo nhựa ra xem thì phát hiện bên trong hộp đựng card điện thoại chưa qua sử dụng gồm 35 (ba mươi lăm) card Mobiphone mệnh giá 100.000đ; 39 (ba mươi chín) card Mobiphone mệnh giá 50.000đ; 115 (một trăm mười lăm) card Mobiphone mệnh giá 20.000đ; 28 (hai mươi tám) cái card Vinaphone mệnh giá 100.000đ; 58 (năm mươi tám) cái card Vinaphone mệnh giá 50.000đ; 50 (năm mươi) cái card Vinaphone mệnh giá 20.000đ; 19 (mười chín) cái card Viettel mệnh giá 100.000đ; 39 (ba mươi chín) cái card Viettel mệnh giá 50.000đ; 100 (một trăm) cái card Viettel mệnh giá 20.000đ sau đó N đem toàn bộ số card điện thoại bỏ vào bọc đen treo lên xà quần áo. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày N đem toàn bộ số card đi bán thì bị phát hiện. Tại cơ quan Công an Nguyễn Kim N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận giám định về giá trị tài sản trong vụ án số 04/ĐG-HĐĐG ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang đã kết luận như sau:

- 35 cái card Mobiphone mệnh giá 100.000đ, tại thời điểm phát hiện có giá trị là 96.500đồng/cái. Giá trị tài sản mất trộm là 3.377.500 đồng; 39 cái card Mobiphone mệnh giá 50.000đ, tại thời điểm phát hiện có giá trị là 48.250đồng/cái. Giá trị tài sản mất trộm là 1.881.750 đồng; 115 cái card Mobiphone mệnh giá 20.000 đồng, tại thời điểm phát hiện có giá trị là 19.300đồng/cái. Giá trị tài sản mất trộm là 2.219.500 đồng; 28 cái card Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng, tại thời điểm phát hiện có giá trị là 96.500 đồng/cái. Giá trị tài sản mất trộm là 2.702.000 đồng; 58 cái card Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, tại thời điểm phát hiện có giá trị là 48.250 đồng/cái. Giá trị tài sản mất trộm là 2.798.500 đồng; 50 cái card Vinaphone mệnh giá 20.000đ, tại thời điểm phát hiện có giá trị là 19.300 đồng/cái. Giá trị tài sản mất trộm là 965.000 đồng; 19 cái card Viettel mệnh giá 100.000đ, tại thời điểm phát hiện có giá trị là 96.500 đồng/cái. Giá trị tài sản mất trộm là 1.833.500 đồng; 39 cái card Viettel mệnh giá 50.000đ, tại thời điểm phát hiện có giá trị là 48.250đồng/cái. Giá trị tài sản mất trộm là 1.881.750 đồng; 100 cái card Viettel mệnh giá 20.000đ, tại thời điểm phát hiện có giá trị là 19.300 đồng/cái. Giá trị tài sản mất trộm là 1.930.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản nêu trên là 19.589.500 đồng (mười chín triệu năm trăm tám mươi chín ngàn năm trăm đồng).

Toàn bộ Số vật chứng này trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiên Hải đã thu hồi trao trả lại cho chủ sở hữu bà Dương Thị H.

Tại Bản án sơ thẩm số: 09/2022/HSST ngày 08/3/2022 Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Kim N phạm tội " Trộm cắp tài sản".

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Kim N 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt vào chấp hành hình phạt.

2. Về tang vật vụ án gồm có: 35 cái card Mobiphone mỗi card điện thoại mệnh giá 100.000 đồng; 39 cái card điện thoại Mobiphone mệnh giá 50.000 đồng; 115 cái card Mobiphone mệnh giá 20.000 đồng; 28 cái card điện thoại Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng; 58 cái card Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng; 50 cái card điện thoại Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng; 19 cái card điện thoại Viettel mệnh giá 100.000 đồng; 39 cái card điện thoại Viettel mệnh giá 50.000 đồng; 100 cái card Viettel mệnh giá 20.000 đồng. Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kiên Hải đã trả lại toàn bộ số vật chứng nêu trên cho bà H tiếp tục sử dụng, tại phiên Tòa bà H không có yêu cầu gì khác, nên miễn xét.

3. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Kim N và bị hại bà Dương Thị H về số tiền bị cáo Nguyễn Kim N bồi thường trả cho bà Dương Thị H số tiền là 29.200.000 đồng (Hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 16/03/2022, bị hại Dương Thị H có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Kim N, buộc bị cáo trả lại cho bị hại số tiền 29.200.000đ.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về tội danh của bị cáo là phù hợp. Về hình phạt, mức án 06 tháng tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, bị hại kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết tăng nặng nào mới, về số tiền 29.200.000đ cấp sơ thẩm đã ghi nhận bị cáo bồi thường cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

-Quan điểm luật sư bảo vệ bị hại: hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo đã lợi dụng bị hại lớn tuổi, nửa đêm lén vào nhà ăn trộm là rất nguy hiểm, làm người bị hại hoảng sợ, bị cáo cũng không thành khẩn khai báo, chỉ nhận khi bị bắt và thu giữ số tài sản trộm, còn

tiền bị hại mất bị cáo vẫn không thừa nhận. Với hành vi của bị cáo mức án 6 tháng tù là chưa nghiêm, đề nghị HĐXX tăng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị hại về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Do muốn có tiền tiêu xài nên vào khoảng 02 giờ ngày 11/7/2021 bị cáo Nguyễn Kim N đã lén lút vào nhà của bà Dương Thị H trộm cắp 35 cái card Mobiphone mỗi card điện thoại mệnh giá 100.000 đồng; 39 cái card điện thoại Mobiphone mệnh giá 50.000 đồng; 115 cái card Mobiphone mệnh giá 20.000 đồng; 28 cái card điện thoại Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng; 58 cái card Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng; 50 cái card điện thoại Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng; 19 cái card điện thoại Viettel mệnh giá 100.000 đồng; 39 cái card điện thoại Viettel mệnh giá 50.000 đồng; 100 cái card Viettel mệnh giá 20.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị là 19.589.500 đồng. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải đã xử phạt bị cáo Nguyễn Kim N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm xong bị hại Dương Thị H kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Kim N, buộc bị cáo N có nghĩa vụ hoàn trả cho bị hại số tiền 29.200.000đ. Tại phiên tòa bị hại rút kháng cáo phần dân sự, chỉ yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo. Bởi vì bị cáo đã nhiều lần dẫn con đến tiệm tạp hóa lấy trộm sữa bị hại bắt được và lấy lại, bị hại cũng mất cắp tài sản nhiều lần không bắt được nên bị cáo không chịu nhận, lần này do bị cáo đem

bán card điện thoại bị hại phát hiện nên mới bị bắt chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật, có lòng tham muốn trộm tài sản của người khác. Tại phiên tòa bị cáo cho rằng những lần lấy trộm sữa, tài sản nhà bà H khai tại tòa là có, nhưng là do con bị cáo lấy, bị cáo không trực tiếp lấy, điều này cho thấy ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bà Dương Thị H gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây Hng mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo lười lao động, muốn hưởng lợi từ thành quả lao động của người khác. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử bị cáo 06 tháng tù là chưa nghiêm. Việc bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở, HĐXX chấp nhận.

[4] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Quan điểm đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, HĐXX không chấp nhận.

[5] Về quan điểm của luật sư: Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo là phù hợp, HĐXX chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa bị hại rút kháng cáo yêu cầu bị cáo N có nghĩa vụ hoàn trả cho bị hại số tiền 29.200.000đ nên HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo này.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ khoản 3 Điều 342, Điều 348 Bộ Luật Tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo yêu cầu bị cáo N có nghĩa vụ hoàn trả cho bị hại số tiền 29.200.000đ.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ Luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị hại Dương Thị H; Sửa bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Kim N 09** (Chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày chấp hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo, bị hại không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 09/2022/HSST ngày 08/03/2022 Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc Kiểm tra (1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh Kiên Giang (1);
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang (1);
- Phòng HSNV CA tỉnh KG (1);
- Tổ HCTP (1);
- TAND huyện Kiên Hải (1);
- THA huyện Kiên Hải (1);
- VKSND huyện Kiên Hải (1);
- CQCSĐT huyện Kiên Hải (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại kháng cáo;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Diệu Hiền

